

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 11 - 2022

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Điệp.
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị Tuyết T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn Ê, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị Mã Thị Tuyết T là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Ê kết hôn năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc và cất nhà ở riêng tại ấp V, xã C, huyện R. Sau đó, thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và thường cự cãi nhau. Đầu năm 2020, chị và anh Ê tự chấm dứt quan hệ vợ chồng với nhau cho đến nay, cuộc sống mạnh ai người đó lo.

Quá trình chung sống chị và anh Ê có một người con chung là cháu Hà Thị Ngọc B1, sinh ngày 19/4/2000.

Chị T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Ê nên cương quyết yêu cầu được ly hôn; về con: Cháu Bích đã trên 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hà Văn Ê là bị đơn:

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Mã Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn Ê, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Ê là bị đơn cư trú tại huyện R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ê. Tuy nhiên, anh Ê không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị T giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh Ê đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ê.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Ê tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, kể từ năm 1998 cho đến đầu năm 2020, quá trình chung sống anh, chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn là vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Ê là không hợp pháp, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh Ê là vợ chồng.

Về con: Chị T và anh Ê có một người con chung là cháu Hà Thị Ngọc B1, sinh ngày 19/4/2000 (trên 18 tuổi) và sống tự lập, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ Ê;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân không công nhận chị Mã Thị Tuyết T và anh Hà Văn Ê là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Mã Thị Tuyết T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008639 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Mã Thị Tuyết T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/11/2022); anh Hà Văn Ê có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKS ND huyện R;
- THA huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát